

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4-2022

V/v: *Tranh chấp về xác định cha
cho con, cấp dưỡng*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Nhị

Ông Dương Cao Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Dương Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 04 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/11/2021 về “*Tranh chấp về xác định cha cho con, cấp dưỡng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/02/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03/3/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 09, ngõ 14, đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Doãn T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 06, ngõ 192, đường T, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Chị và anh Trần Doãn T quen biết nhau vào năm 2016, qua một số bạn bè. Thời gian này chị Ngân đã ly hôn chồng là anh Nguyễn Tiến H được 7-8 năm. Qua một vài lần gặp gỡ chị được anh Tuấn tâm sự là anh đã có vợ con. Tuy nhiên, cuộc sống của vợ chồng anh T không được hạnh phúc. Anh T cũng trong thời gian xem xét để làm thủ tục ly hôn. Sau một số lần gặp gỡ chị N, anh Trần Doãn T có ăn ngủ, quan hệ với nhau, dẫn

đến hậu quả là chị N có thai. Chị N có nói cho anh T biết thì anh khuyên chị nên bỏ cái thai. Tuy nhiên, vì thương con nên chị N quyết giữ lại cháu bé. Ngày 15/8/2020 chị sinh được một bé gái đặt tên là Trần Bảo Nhật V. Cũng từ khi chị Ngân sinh cháu thì anh Trần Doãn T có tình lảng tránh, từ chối trách nhiệm với con. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Trần Bảo Nhật V, chị N yêu cầu Tòa án xác định anh Trần Doãn T là cha đẻ của cháu Trần Bảo Nhật V. Đồng thời buộc anh Trần Doãn T phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Doãn T trình bày:

Năm 2019 anh có quen biết chị Trần Thị N, thời gian sau đó hai bên có nảy sinh tình cảm. Được một thời gian ngắn thì anh thấy không thể tiếp tục mối quan hệ này nữa vì điều kiện riêng của anh. Từ đó, anh không còn liên hệ với chị N nữa. Khi anh cắt đứt quan hệ với chị N được khoảng một tháng thì chị N có thông báo với anh là chị N đã mang thai. Sau đó, chị N đã làm đơn kiện anh T tại Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh Hà Tĩnh. Kết quả anh Trần Doãn T bị kỷ luật phải nghỉ việc. Hiện chị N có yêu cầu Tòa án xác định anh Trần Doãn T là cha đẻ của cháu Trần Bảo Nhật V và yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu V theo quy định pháp luật thì anh T không đồng ý.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có bản tự khai, có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thể hiện: Tại bản kết luận giám định ADN số HT.137.21/PY-XN ngày 08/4/2021 của Viện pháp y quân đội kết luận: “anh Trần Doãn T và cháu Trần Bảo N V có quan hệ huyết thống cha-con”. Như vậy, yêu cầu của chị Trần Thị Ngân xác định anh Trần Doãn T là cha đẻ của cháu Trần Bảo Nhật V là có căn cứ, phù hợp. Vì vậy, cần căn cứ vào các Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật Hôn nhân gia đình: chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị N: xác định anh Trần Doãn T (sinh ngày 27/03/1972, chứng minh nhân dân số 184205983 do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 11/7/2012) là cha đẻ của cháu Trần Bảo Nhật V (sinh ngày 15/8/2020, số định danh cá nhân 042320007081 theo giấy khai sinh số 159/GKS ngày 11/9/2020 của UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh); Buộc anh Trần Doãn T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung Trần Bảo Nhật V mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị N khởi kiện xác định anh Trần Doãn T là cha đẻ của cháu Trần Bảo Nhật V, buộc anh Trần Doãn T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung Trần Bảo Nhật V nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về xác định cha cho con, yêu cầu cấp dưỡng”. Anh Trần Doãn T trú tại: phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 4, 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Doãn Tuấn xin vắng mặt tại phiên hòa giải, đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Doãn Tuấn là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị N về việc xác định cha cho con, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Tiến H ly hôn vào năm 2009. Đến năm 2016 chị Trần Thị N có quen biết và quan hệ tình cảm với anh Trần Doãn T. Ngày 15/8/2020 chị Trần Thị N sinh cháu Trần Bảo Nhật V theo giấy khai sinh số 159/GKS-BS ngày 11/9/2020 của UBND phường T, thành phố H. Tại giấy khai sinh nói trên xác định họ tên mẹ là chị Trần Thị N, còn họ, tên cha chưa xác định.

Tại bản kết luận giám định ADN số HT.137.21/PY-XN ngày 08/4/2021 của Viện pháp y quân đội kết luận: “anh Trần Doãn T và cháu Trần Bảo Nhật V có quan hệ huyết thống cha-con”. Xét lời khai của chị Trần Thị N là phù hợp với kết quả giám định ADN của Viện pháp y quân đội, nên HĐXX công nhận đó là sự thật khách quan theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, yêu cầu của chị Ngân xác định anh Trần Doãn T là cha đẻ của cháu Trần Bảo Nhật V là có căn cứ, phù hợp. Do đó, HĐXX căn áp dụng khoản 2 Điều 102 của luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận.

Xét yêu cầu của chị Trần Thị N về việc yêu cầu anh Trần Doãn T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Do anh Trần Doãn T được xác định là cha đẻ của cháu Trần Bảo Nhật V nên theo quy định tại điều 110 của Luật Hôn nhân gia đình thì “cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”. Do hiện nay, con Trần Bảo Nhật V đang sống chung với chị Trần Thị N, anh Trần Doãn T có mức thu nhập từ lương hưu khoảng hơn 8.000.000 đồng/tháng. Vì vậy, yêu cầu của chị Trần Thị N buộc anh Trần Doãn T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Trần Bảo Nhật V là có căn cứ, phù hợp nên cần được chấp nhận; xét mức cấp mà chị Ngân yêu cầu là phù hợp với mức sống tại địa bàn thành phố Hà Tĩnh nên cần được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Trần Doãn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí tiền cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4, 5 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị N: Xác định anh Trần Doãn T, sinh ngày 27/03/1972, chứng minh nhân dân số 184205983 do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 11/7/2012, là cha đẻ của cháu Trần Bảo Nhật V, sinh ngày 15/8/2020, số định danh cá nhân: 042320007081 theo giấy khai sinh số 159/GKS ngày 11/9/2020 của UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Buộc anh Trần Doãn T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung Trần Bảo Nhật V mỗi tháng 1.500.000 đồng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Trần Thị N có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng nuôi con chung nếu anh Trần Doãn T không thi hành được thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Anh Trần Doãn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Buộc anh Trần Doãn T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDTPHT;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Các đương sự;
- UBND phường Trần phú,
Thành phố Hà Tĩnh, Hà Tĩnh;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Dũng